TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Minh Tiến;

+ Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đặng Thị H, sinh năm: 1962; số CCCD: 024162001951 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2022; HKTT: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Bị đơn: ông Lê Đình H1, sinh năm: 1964; số CCCD: 024064002384 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021; HKTT: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/8/2023, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Đặng Thị H trình bày: khoảng tháng 3 vào năm 1986 bà và ông Lê Đình H1 chung sống với nhau nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của bà và ông H1. Nhưng vì trước đây ông bà sống tại huyện H, tỉnh Bắc Giang đến năm 1994 mới vào Sông N, huyện C sống cho đến nay nên cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông bà đã sống với nhau từ năm 1986.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên có những mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, nên cả 2 đã không còn chung sống với nhau đến nay khoảng 2 năm.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: là Lê Thị H2, sinh năm 1988 và Lê Đình C, sinh năm: 1993. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai, biên bản công khai tài liệu chứng cứ và hòa

giải, bị đơn ông Lê Đình H1 trình bày: ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.
- Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

* Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký là đúng quy định; quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: vì bà H và ông H1 không đăng ký kết hôn nhưng cũng không có chứng cứ đã chung sống trước tháng 1/1987 vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà không được xem là hôn nhân thực tế nên đề nghị HĐXX tuyên xử không công nhận bà H và ông H1 là vợ chồng. Về con chung: đã trưởng thành nên không giải quyết; tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết; nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng: bà Đặng Thị H có đơn khởi kiện đối với ông Lê Đình H1 yêu cầu ly hôn nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà H là nguyên đơn, ông H1 là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: theo lời khai của bà Đặng Thị H và ông Lê Đình H1 thì ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1986 nhưng cho đến nay ông bà không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì nếu quan hệ vợ chồng xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì quan hệ trên được xem là hôn nhân thực tế. Tuy nhiên, mặc dù ông bà khai đã chung sống với nhau từ tháng 3/1986 nhưng không có gì chứng minh việc ông bà đã chung sống với nhau từ thời gian trên. Cả người con lớn của ông bà cũng được sinh vào ngày 10/9/1988 nên không có căn cứ hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế. Vì vậy, việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm quy định về Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì việc nam và nữ sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1, xét quan hệ hôn nhân ông bà không phải là vợ chồng nên cần tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị H và ông Lê Đình H1 là vợ chồng.

- Về con chung: các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung: không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: không có và không ai yêu cầu nên không xem xét.

[4] Án phí: bà Đặng Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[5] Quan điểm đường lối giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 14, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Đặng Thị H và ông Lê Đình H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có và không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: bà Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí nhưng căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đặng Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà được miễn nộp án phí.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Hằng s tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000293 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Sông Nhạn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Tường Vy